

**ĐẢNG BỘ TỈNH GIA LAI
HUYỆN ỦY KÔNG CHRO**

*

Số 267-CV/HU

*V/v xây dựng Chương trình thực hiện
Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 01/7/2016
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Kông Chro, ngày 18 tháng 7 năm 2016

3351

Kính gửi : Ủy ban nhân dân huyện.

18/7

Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về *cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 - 2020.*

Thường trực Huyện ủy giao cho UBND huyện tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng *dự thảo Chương trình thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 - 2020.* Dự thảo Chương trình gửi về Thường trực Huyện ủy (qua Văn phòng Huyện ủy) **trước ngày 30/7/2016** để hoàn chỉnh, trình Ban Thường vụ Huyện ủy cho ý kiến.

Nhận được công văn này, đề nghị UBND huyện triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Như kính gửi,
- Bộ phận tổng hợp VPHU,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

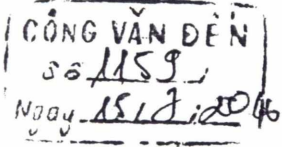
**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG**



[Signature]
Trần Văn Cửu

NGHỊ QUYẾT

về cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 - 2020

**I- Tình hình cải cách hành chính và môi trường đầu tư của tỉnh trong thời gian qua****1- Về cải cách hành chính**

Những năm qua, tỉnh luôn xác định công tác cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, phấn đấu đơn giản hóa thủ tục hành chính, công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian thủ tục, tiết kiệm chi phí và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp; bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định như: Kịp thời cải cách bộ máy hành chính nhà nước theo đúng quy định của Trung ương. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã được triển khai thực hiện tại các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các cấp. Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có nhiều chuyển biến. 100% các cơ quan hành chính ở tỉnh đã xây dựng cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm; trên 90% công chức cấp xã đạt tiêu chuẩn theo chức danh. Triển khai đồng bộ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính, mạng lưới kết nối thông tin giữa các cơ quan, đơn vị đang ngày càng mở rộng, hình thành cơ sở dữ liệu chung trong nhiều lĩnh vực quản lý, chất lượng giải quyết các thủ tục hành chính được nâng cao.

Tuy nhiên, công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính chưa thực sự quyết liệt, việc bố trí nguồn lực còn hạn chế. Thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực còn rườm rà, phức tạp. Việc công bố, công khai các quy định về thủ tục hành chính mới chưa kịp thời. Quy trình tiếp nhận, luân chuyển, xử lý hồ sơ và trả kết quả ở một số cơ quan, đơn vị chưa chặt chẽ. Chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính chưa cao. Một số lĩnh vực quản lý nhà nước còn chồng chéo; nội dung phân cấp chưa đảm bảo quyền chủ động gắn với trách nhiệm của từng cấp. Cán bộ, công chức, viên chức một số nơi khi giải quyết công việc liên quan đến tổ chức và người dân chưa làm hết trách nhiệm, còn có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực. Một số cơ quan, đơn vị chưa ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách hành chính; việc xây dựng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 còn lúng túng, thụ động, thiếu đồng bộ dẫn đến kết quả giải quyết công việc chưa đảm bảo yêu cầu.

2- Về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Những năm gần đây, công tác thu hút đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp luôn được tỉnh chú trọng; số doanh nghiệp thành lập mới hàng năm tăng 10%, các cơ chế, chính sách hỗ trợ

doanh nghiệp được triển khai kịp thời. Đã thành thành lập Hội đồng xúc tiến đầu tư; ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập. Định kỳ 6 tháng các cơ quan chức năng tổ chức đối thoại với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.

Tuy nhiên, môi trường kinh doanh của tỉnh vẫn chưa thực sự hấp dẫn đối với nhà đầu tư. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư còn yếu. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giảm và nằm trong nhóm trung bình của cả nước. Doanh nghiệp của tỉnh chủ yếu là nhỏ và siêu nhỏ, chưa xây dựng chiến lược kinh doanh bền vững, sức cạnh tranh thấp, đây là thách thức lớn khi bước vào hội nhập kinh tế quốc tế.

II- Quan điểm, mục tiêu

1- Quan điểm

- Đảng lãnh đạo toàn diện, kịp thời, chặt chẽ công tác cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội trong việc đẩy mạnh cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Công tác cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp, các ngành trên cơ sở vừa tích cực, chủ động, linh hoạt và sáng tạo, trong đó cải cách hành chính là tiền đề, là cơ sở để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được tiến hành từng bước vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm nhằm phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện.

2- Mục tiêu

- Phân đầu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

- Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin để xây dựng chính quyền điện tử; ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ của các cơ quan nhà nước. Đến năm 2020, bảo đảm sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt mức trên 80%.

- Phân đầu đến năm 2020, chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh nằm trong nhóm khá của cả nước (nhóm 20 tỉnh, thành dẫn đầu). Tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, giảm thời gian và chi phí hành chính. Bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước. Nâng cao trách nhiệm, tính năng động, sáng tạo của các cơ quan hành chính nhà nước để nâng cao năng lực cạnh

tranh của nền kinh tế, thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước. Cải cách toàn diện các quy định về điều kiện kinh doanh, về quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu, phù hợp với hội nhập quốc tế, chuyển mạnh sang hậu kiểm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh và đời sống.

III- Nhiệm vụ và giải pháp

1- Nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020

1.1- Cải cách thể chế

- Xây dựng và từng bước hệ thống hóa các thể chế, cơ chế, chính sách quản lý của tỉnh theo hướng đồng bộ, đầy đủ, minh bạch, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế phát triển. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Trung ương, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý, điều hành của địa phương.

- Nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt chú ý rà soát các văn bản do hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp ban hành phù hợp với các quy định của Hiến pháp năm 2013.

1.2- Cải cách thủ tục hành chính

- Tổ chức rà soát, đánh giá sự cần thiết, tính hợp pháp, hợp lý và hiệu quả của các thủ tục hành chính trong phạm vi quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương; trên cơ sở đó đơn giản tối đa các thủ tục hành chính để giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Thực hiện hệ thống hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, của cơ quan hành chính nhà nước các cấp từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn. Thường xuyên rà soát, công bố công khai, đơn giản hóa thủ tục hành chính, hồ sơ, biểu mẫu, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, đặc biệt là thủ tục hành chính liên quan đến chính sách thu hút đầu tư của tỉnh.

- Thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các thủ tục hành chính để nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính với tổ chức và công dân từ tỉnh tới cơ sở.

- Tập trung cải cách thủ tục hành chính trong nội bộ các cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp công lập, dịch vụ công và các thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

1.3- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Nghiên cứu rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị (cả cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập), sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Phân loại các cơ quan hành chính làm cơ sở xác định tổ chức, bộ máy phù hợp với yêu cầu quản lý và nâng cao chất lượng cung ứng các nhu cầu cơ bản thiết yếu phục vụ nhân dân. Những nhiệm vụ mà cơ quan nhà nước không cần thiết phải trực tiếp thực hiện hoặc thực hiện không có hiệu quả thì chuyển sang các tổ chức ngoài nhà nước đảm nhận.

- Hoàn thiện các quy định về phân cấp quản lý trên các lĩnh vực quản lý nhà nước. Xác định rõ ràng, minh bạch các mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc, điều kiện và chế tài các quy định phân cấp.

- Tiếp tục cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công. Bảo đảm sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020.

- Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực. Phân loại đơn vị sự nghiệp để thực hiện các hình thức chuyển đổi phù hợp (hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, cổ phần hóa, hợp tác công tư...). Đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập có khả năng tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động và khuyến khích thành lập các tổ chức cung ứng dịch vụ công thuộc các thành phần ngoài nhà nước, nhất là lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ. Tăng cường kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước và nhân dân đối với hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

1.4- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của địa phương. 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

- Đổi mới phương thức tuyển dụng công chức, viên chức về quy trình, thẩm quyền, trách nhiệm và có quy định về xử lý các vi phạm; tổ chức thí điểm đổi mới phương thức tuyển chọn lãnh đạo, quản lý.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

- Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Rà soát lại các chương trình đào tạo cán bộ, công chức, viên chức, loại bỏ những nội dung đào tạo trùng lặp, để công tác đào tạo, bồi dưỡng mang lại lợi ích thiết thực, không lãng phí. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế. Sửa đổi, hoàn thiện cơ chế

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với điều kiện của Việt Nam và yêu cầu hội nhập quốc tế; có hệ thống chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập và tự học, không ngừng nâng cao trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao. Tổ chức hệ thống quản lý và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gọn nhẹ, khoa học, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất trong đào tạo, bồi dưỡng.

- Tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo các quy định của pháp luật, gắn với các nội dung khác của công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong công tác tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

- Tập trung nguồn lực ưu tiên cho cải cách chính sách tiền lương, chế độ bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công; đến năm 2020, tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức được cải cách cơ bản, bảo đảm được cuộc sống ở mức trung bình khá trong xã hội.

1.5- Cải cách tài chính công

- Kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và đầu tư công.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị hành chính và sự nghiệp.

- Đổi mới căn bản cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng lấy mục tiêu, hiệu quả ứng dụng là tiêu chuẩn hàng đầu.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, hoàn thiện thể chế và tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và kỹ thuật, văn hóa, thể thao, các công trình, dự án cơ sở hạ tầng.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công.

1.6- Hiện đại hóa hành chính

- Triển khai xây dựng “Chính quyền điện tử” theo Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, trong đó chú ý thực hiện kết nối liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tích hợp vào Cổng dịch vụ công Quốc gia và Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong quy trình xử lý công việc của từng cơ

quan hành chính nhà nước, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân.

- Phát triển các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp; thống nhất ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, toàn diện tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin, trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng.

- Đẩy nhanh việc triển khai xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên trang/cổng thông tin điện tử các cơ quan hành chính nhà nước, tích hợp vào hệ thống của Chính phủ và tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng để đáp ứng nhu cầu thực tế phục vụ người dân và doanh nghiệp dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

- Xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan hành chính theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ưu tiên triển khai ISO điện tử.

1.7- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 07/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020.

- Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, lấy ý kiến của người dân, tổ chức về kết quả cải cách hành chính. Triển khai xác định và công bố Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, ngành, ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố. Triển khai xác định và công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính; Chỉ số hài lòng về chất lượng y tế công; Chỉ số hài lòng về chất lượng giáo dục công lập.

- Tăng cường năng lực công chức chuyên trách cải cách hành chính.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra cải cách hành chính.

2- Các nhiệm vụ, giải pháp về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ kết quả phân tích các yếu tố thành phần của PCI năm 2015, trên cơ sở nhận biết chính xác và cụ thể những điểm mạnh, yếu cần cải thiện nhằm tiếp tục đạt được những bước tiến trong lãnh đạo, điều hành của các cấp chính quyền tỉnh, để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Trong thời gian tới, phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

2.1- Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền của mỗi cơ quan, cá nhân trong việc triển khai thực hiện. Có giải pháp xử lý phù hợp, kịp thời, linh hoạt đối với những vấn đề mới phát sinh; kiến nghị, đề xuất những giải pháp chỉ đạo, điều hành phù hợp, hiệu quả.

Xây dựng quy chế phối hợp và tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư. Các sở, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào các văn bản quy

phạm pháp luật của Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh, kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, điều chỉnh chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, tạo môi trường kinh doanh đầu tư thông thoáng, thuận lợi.

2.2- Phân đấu đến năm 2020, chỉ số năng lực cạnh tranh PCI của tỉnh nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố đứng đầu, cụ thể:

+ Đơn giản thủ tục và đảm bảo thời gian đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất không quá 10 ngày.

+ Thời gian cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan dưới 60 ngày.

+ Thời gian thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh tối đa 02 ngày, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tối đa 01 ngày; thời gian thực hiện thủ tục tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp dưới 32 ngày; thời gian nộp thuế còn không quá 110 giờ/năm, tiếp tục duy trì các doanh nghiệp đang hoạt động và các doanh nghiệp thành lập mới kê khai thuế điện tử đạt 100%, thực hiện nộp thuế điện tử đạt 100%, xây dựng công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế đảm bảo 98%; thời gian nộp bảo hiểm xã hội không quá 45 giờ/năm.

+ Đơn giản quy trình, hồ sơ và thủ tục xuất, nhập khẩu, hải quan. Nâng cao năng lực của các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước trong việc kiểm dịch, kiểm tra tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa, dịch vụ tại khu vực cửa khẩu; thiết lập cơ chế phối hợp có hiệu quả giữa hải quan và cơ quan quản lý nhà nước; giảm thời gian hoàn thành thủ tục xuất khẩu xuống còn dưới 10 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, dưới 12 ngày đối với hàng hóa nhập khẩu. Thời gian thông quan hàng hóa qua biên giới: Hàng hóa đơn giản dưới 5 giờ đối với hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu; hàng hóa phức tạp dưới 36 giờ đối với hàng hóa xuất khẩu và dưới 41 giờ đối với hàng hóa nhập khẩu.

+ Các cơ quan thuộc lĩnh vực tư pháp cố gắng giải quyết các vụ việc tranh chấp thương mại và phá sản doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa thủ tục, quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp thương mại xuống còn dưới 180 ngày (hiện nay là 400 ngày) và thời gian giải quyết phá sản doanh nghiệp dưới 20 tháng.

2.3- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính. Triển khai thực hiện đúng và đầy đủ, công khai các quy định; rà soát, hoàn thiện mô hình “một cửa”; “một cửa liên thông”.

2.4- Đổi mới căn bản phương thức quản lý, công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra trên nguyên tắc hành chính phục vụ, hỗ trợ, xem người dân và doanh nghiệp là đối tượng phục vụ, không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự.

2.5- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư nhằm đổi mới quy trình quản lý, sản xuất kinh doanh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước, đặc biệt là các lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo, y tế, giao thông, xây dựng, điện, thuế, hải quan, tư pháp... nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh cũng như của các doanh nghiệp trên địa bàn.

IV- Tổ chức thực hiện

1- Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở Nghị quyết này, cùng với việc nghiên cứu các quy định của Trung ương, ban hành và chỉ đạo các ngành, các địa phương triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách, phát huy các nguồn lực, tập trung đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường, thu hút đầu tư. Xây dựng định hướng tổng thể và ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư hàng năm để tổ chức thực hiện.

2- Các đảng bộ trực thuộc; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn; mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương, đơn vị.

3- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan thông tin, báo chí của tỉnh có trách nhiệm tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4- Định kỳ 6 tháng, 01 năm, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiến độ thực hiện và những khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng, T26,
- Ban Chỉ đạo Tây Nguyên,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng bộ trực thuộc tỉnh,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Dương Văn Trang